

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 12 – 2020
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến.

2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 451/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 127/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị T1, sinh năm 1986 (*có mặt*).

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T2, sinh năm 1973 (*vắng mặt*).

Cùng cư trú tại: Ấp T3, xã T4, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 9 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Dương Thị T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Lê Văn T2 tổ chức lễ cưới năm 2003 và đăng ký kết hôn vào ngày 02/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T4, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, anh T2 nhiều lần dùng vũ lực đối với chị, khi mẹ chị can ngăn thì anh T2 dùng dao, côn hăm dọa dẫn đến mất hạnh phúc. Mặc dù, vợ chồng đã cố gắng điều hòa mâu thuẫn, vun đắp tình cảm trong thời gian dài nhưng không đạt kết

quả. Nên anh T2 dọn đồ ra thuê nhà trọ sống ly thân với chị từ tháng 6/2020 cho đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh T2.

- Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con: Chị và anh T2 có với nhau 02 người con chung tên Dương Thị Ngọc T5, sinh ngày 10/12/2003 và Dương Thị Ngọc M, sinh ngày 16/01/2008. Do tại thời điểm đăng ký khai sinh vợ chồng chưa đăng ký kết hôn nên các con mang họ mẹ. Hiện các cháu đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T5 và cháu M, không yêu cầu anh Thành cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh Lê Văn T2 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T1 và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là vụ án yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2]. *Về thủ tục xét xử:* Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T2 theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1]. *Về hôn nhân:* Chị T1, anh T2 là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xuất phát từ nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống không điều hòa được làm cho vợ chồng thường xuyên cự cãi, xô xát dẫn đến mất hạnh phúc. Chị T1 và anh T2 có thời gian sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay không trở về đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T1 xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với anh T2. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T2 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị T1. Căn cứ vào lời trình bày của chị T1 và

các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận đời sống chung giữa chị T1 và anh T2 không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị T1 và anh T2.

[2]. *Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con*: Chị T1 và anh T2 có với nhau 02 người con chung là cháu T5 đã trên 17 tuổi và cháu M đã trên 12 tuổi. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T2 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của chị T1. Xét cháu T5, cháu M hiện do chị T1 nuôi dưỡng, nguyện vọng của các cháu muốn tiếp tục sống với chị T1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu T5, cháu M cho chị T1 được trực tiếp nuôi dưỡng. Xét chị T1 không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng cho con. Căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết ghi nhận ý kiến của chị T1 không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng cho con, anh T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3]. *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng*: Do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết chị T1 phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Thị T1 và anh Lê Văn T2.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Dương Thị Ngọc T5, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2003 và cháu Dương Thị Ngọc M, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2008 cho chị Dương Thị T1 được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận ý kiến của chị Dương Thị T1 không yêu cầu anh Lê Văn T2 cấp dưỡng cho con.

2.3. Anh anh Lê Văn T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Dương Thị T1 phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này, được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị T1 đã nộp theo biên lai thu số N_o 0010508 ngày 06 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Dương Thị T1, vắng mặt anh Lê Văn T2. Báo cho chị T1 có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh T2 vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- CC. THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- UBND xã T4: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Cao Minh Tân